

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YP
TỈNH BN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/DS-ST

Ngày 24/11/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tài H và bà Nguyễn Thị H.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Bích N - Thư ký Toà án nhân dân HUYỆN YP ,
TỈNH BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN YP tham gia phiên tòa: Bà Trần
Thị H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân HUYỆN YP,
TỈNH BN mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
85/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-DS ngày 28/10/2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1976 và chị Nguyễn Thị H, sinh
năm 1983 (Anh D ủy quyền cho chị H). Có mặt

Cùng trú tại: TT, YT, YP, BN.

Bị đơn: Anh Nguyễn Bá C, sinh năm 1984 và chị Trương Thị T, sinh năm 1983.
(Anh C và chị T vắng mặt)

Cùng trú tại: CT, YT, YP, BN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - chị H, Anh D trình bày: Giữa hai gia đình có quan hệ họ hàng với
nhau. Ngày 23/7/2018, vợ chồng Anh D, chị H có cho anh Nguyễn Bá C, chị Trương
Thị T vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Khi vay anh C, chị T nói là
để trả tiền thợ xây vì Anh C làm cai xây dựng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả là ngày
23/7/2019, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng. Hai bên có lập Hợp đồng vay tiền
với nội dung là Giấy vay tiền do chị Trương Thị T là người tự viết, có chữ ký của vợ
chồng anh C, chị Thuần. Anh chị đã giao đủ tiền cho anh C, chị T tại nhà của anh chị

và anh C, chị T là người trực tiếp nhận tiền. Sau khi vay, anh C, chị T đã trả anh chị 24 tháng tiền lãi. Khi trả anh C, chị T chỉ đưa tay, không viết giấy tờ gì.

Ngày 25/01/2019, Anh D, chị H tiếp tục cho anh Nguyễn Bá C, chị Trương Thị T vay số tiền 60.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Khi vay anh C, chị T cũng nói là để trả tiền thợ xây, hai bên thỏa thuận thời hạn trả là ngày 25/01/2020, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng. Hai bên có lập Hợp đồng vay tiền với nội dung là Giấy vay tiền do chị Trương Thị T là người tự viết, có chữ ký của vợ chồng anh C, chị Thuần. Anh chị cũng đã giao đủ tiền cho anh C, chị Thuần. Sau khi vay, anh C, chị T đã trả anh chị 17 tháng tiền lãi. Khi trả chỉ đưa tay, không viết giấy tờ gì.

Tổng cộng anh chị đã cho anh C, chị T vay số tiền là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Khoản tiền này là tiền chung của vợ chồng Anh D, chị H. Anh C, chị T đã trả anh chị số tiền lãi là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) còn chưa trả số tiền đã vay.

Đến hết tháng 7/2020 anh C, chị T không trả tiền lãi nữa. Tháng 8/2020 anh chị bắt đầu yêu cầu anh C, chị T thì anh chị chỉ khất lần không trả.

Nay Anh D, chị H yêu cầu anh Nguyễn Bá C, chị Trương Thị T phải trả số tiền đã vay là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng), không yêu cầu về lãi suất.

Về phía bị đơn do chị T trình bày: Chị công nhận lời trình bày của Anh D, chị H về thời gian và số tiền mà chị và Anh C vay của Anh D, chị H. Tuy nhiên đối với số tiền vay 50.000.000 đồng hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng và chữ ký “Chung- Nguyễn Văn Chung” trong giấy vay là do chị viết hộ Anh C do Anh C không biết chữ, chỉ biết ký và viết tên mình nhưng viết xấu và chậm. Vợ chồng Anh D và chị H đã giao đủ cho vợ chồng chị số tiền 50.000.000 đồng tại nhà Anh D, chị H. Đối với số tiền vay 60.000.000 đồng hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng và chữ ký “Chung- Nguyễn Văn Chung” trong giấy vay là do ai viết chị không biết vì hôm đó chỉ có một mình chị đến nhà Anh D, chị H. Vợ chồng Anh D và chị H đã giao đủ cho chị số tiền 60.000.000 đồng tại nhà Anh D, chị H. Sau khi vay thì đến khoảng tháng 10/2021 vợ chồng chị có trả cho Anh D, chị H số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng; đến tháng 5/2022, vợ chồng chị trả tiếp số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng. Tiền lãi vợ chồng chị trả hàng tháng đến hết tháng 01/2020, từ tháng 02/2020 đến nay không trả được nữa. Việc trả gốc và lãi này đều chỉ đưa tay có hai bên chứng kiến, không có giấy tờ gì. Hiện tại, vợ chồng chị vẫn chung sống hoà thuận, cùng đi làm để phát triển kinh tế của gia đình. Đến nay, chị xác nhận vợ chồng anh chị chỉ còn nợ Anh D, chị H số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng, còn tiền lãi chị T xin không trả.

Bị đơn- Anh C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được Tòa án

triệu tập phiên toà họp lệ 02 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN YP phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật. Bị đơn chấp hành không đúng pháp luật, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án đề nghị: Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị H.

Buộc anh Nguyễn Bá C và chị Trương Thị T phải trả cho anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị H số tiền là 110.000.000đồng (Một trăm mười triệu đồng chẵn).

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Bá C và chị Trương Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị H yêu cầu anh Nguyễn Bá C, chị Trương Thị T; cùng trú tại: Thôn CT, xã YT, HUYỆN YP, TỈNH BN phải trả số tiền 110.000.000đ theo Hợp đồng vay tiền lập ngày 23/7/2018 và 25/01/2019. Tòa án nhân dân HUYỆN YP đã thụ lý, giải quyết vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Bá C, chị Trương Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C, chị T là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Do có quan hệ họ hàng nên vào các ngày 23/7/2018 và 25/01/2019 Anh D, chị H đã cho anh C, chị T vay số tiền 50.000.000 đồng và 60.000.000 đồng, tổng cộng là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) để anh C, chị T trả tiền công thợ. Khi vay các bên có lập thành văn bản và ký xác nhận của bên vay. Anh D, chị H trình bày nội dung cả hai giấy vay đều do chị T tự viết, sau đó Anh C và chị T cùng ký tên vào mục người vay. Chị T cũng thừa nhận vợ chồng chị có vay của Anh D và chị H tổng số tiền là 110.000.000đồng và nội dung hai Giấy vay tiền ngày 23/7/2018 và

25/01/2019 đúng là chị viết và ký tên nhưng chữ ký “Chung-Nguyễn Bá C” đều không phải do Anh C viết và ký. Cụ thể: Tại giấy vay ngày 23/7/2018, chị T là người ký và viết hộ Anh C do Anh C không biết chữ, chỉ biết ký và viết tên mình nhưng viết xấu và chậm, còn tại giấy vay ngày 25/01/2019 ai viết và ký thì chị T không biết.

Cả hai lần vay hai bên đều thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm, còn về lãi suất thì hai bên thỏa thuận bằng miệng. Anh D, chị H trình bày hai bên thỏa thuận miệng về lãi suất là 1,5%/tháng, chị T trình bày hai bên thỏa thuận miệng về lãi suất là 3%/tháng.

Tòa án tiến hành đối chất và yêu cầu anh C, chị T cung cấp tài liệu chứng cứ theo Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 19/2022/QĐ-CCTLCC ngày 12/10/2022 nhưng anh C, chị T vắng mặt, không đưa ra bất kỳ căn cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình và cũng không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký “Chung- Nguyễn Bá C” trong hai giấy vay tiền. Do vậy, cần xác nhận việc anh C, chị T vay số tiền 110.000.000 đồng của Anh D, chị H là đúng sự thật và xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi.

Anh D, chị H trình bày từ khi cho vay tiền đến nay, hàng tháng Anh C và chị T không trả cho anh chị số tiền lãi mà chỉ trả lãi làm hai đợt, một lần 20.000.000đồng và một lần 10.000.000đồng, tổng là 30.000.000đồng tiền lãi. Cụ thể: Đối với khoản vay 50.000.000đồng thì anh C, chị T đã trả anh chị được 24 tháng tiền lãi với lãi suất 1,5%/tháng = số tiền là 18.000.000đồng; đối với khoản vay 60.000.000đồng thì anh C, chị T đã trả anh chị được 17 tháng tiền lãi với lãi suất 1,5%/tháng = số tiền là 15.300.000đồng. Tổng cộng là 33.300.000đồng nhưng thực tế anh chị mới nhận được số tiền 30.000.000đồng. Số tiền này anh C, chị T đều trả vào tiền lãi, không liên quan đến số tiền nợ gốc. Anh C, chị T chưa trả cho anh chị bất kỳ số tiền nợ gốc nào. Chị T trình bày sau khi vay khoảng tháng 10/2021 vợ chồng chị có trả được số tiền nợ gốc là 20.000.000đồng, đến tháng 5/2022, vợ chồng chị trả tiếp số tiền nợ gốc là 10.000.000đồng. Tiền lãi vợ chồng chị trả hàng tháng đến hết tháng 01/2020, từ tháng 02/2020 đến nay không trả được nữa. Tuy nhiên, việc trả số tiền nợ gốc và nợ lãi này đều chỉ đưa tay, không có giấy tờ gì. Do vậy, lời trình bày của chị T là không có căn cứ, không được chấp nhận.

Nay Anh D, chị H yêu cầu anh C, chị T phải trả số tiền đã vay 110.000.000đồng là có căn cứ và được chấp nhận.

Về lãi suất: Vì đây là hợp đồng vay tài sản có lãi nên anh C, chị T phải trả lãi cho Anh D, chị H theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, Anh D, chị H không yêu cầu lãi suất, xét yêu cầu của Anh D, chị H là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét về lãi suất.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị H yêu cầu anh Nguyễn Bá C, chị Trương Thị T phải trả số tiền đã vay là 110.000.000đ, không yêu cầu về lãi suất.

[3] Về án phí: Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, do vậy bị đơn là anh C, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị H.

Buộc anh Nguyễn Bá C và chị Trương Thị T phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị H số tiền là 110.000.000đồng (Một trăm mười triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, các bên không thỏa thuận được lãi suất thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Về án phí: Anh Nguyễn Bá C và chị Trương Thị T phải chịu 5.500.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị H 2.750.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004437 ngày 09/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Đ-ong sự có mặt có quyền quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đ-ong sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện
- Thi hành án
- Đ- ơng sự
- L- u hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Năm

Kiều Văn Dậu